TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**
2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2018/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị U M** - sinh năm 1988. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ chỗ ở: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần Văn Ng -** sinh năm: 1982. Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị M trình bày và yêu cầu:

- Về Hôn nhân: Chị M và anh Ng chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, do đời sống chung không hạnh phúc nên ly thân, nay chị M không còn tình cảm với anh Ng nên yêu cầu được ly hôn anh Ng.

- Về con: Chị và anh Ng có một con chung tên Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008, cháu Hân hiện sống chung chị M. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ: Chị M xác định chị và anh Ng không có tài sản và nợ.

* Bị đơn: Anh Ng được triệu tập hợp lệ nhưng anh Ng không có mặt tại Tòa án.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng của chị M và anh Ng.

+ Về con: Giao cháu Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008 cho chị M nuôi, buộc anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000đ

+ Về tài sản chung và nợ không có không xem xét giải quyết

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị M và anh Ng tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng không tự đi đăng ký kết hôn mà nhờ người thân đi đăng ký thay, tại Ủy ban nhân dân xã H không có ghi vào sổ đăng ký kết hôn trường hợp đăng ký kết hôn của anh chị M và anh Ng, tại giấy chứng nhận kết hôn không có chữ ký của chị M và anh Ng.

- Chị M và anh Ng có một con chung tên Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008, cháu Hân hiện sống chung chị M. Chị M yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Chị M và anh Ng không có tài sản và không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị M có đề nghị xét xử vắng mặt và anh Ng đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị M về hôn nhân: Chị Phan Thị U M và anh Trần Văn Ng tự nguyện sống chung như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, việc đăng ký kết hôn của chị M và anh Ng không thực hiện đúng thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị Định số: 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005, cụ thể: *"Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn, thì cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Hai bên nam, nữ ký vào giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên vợ, chồng một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, giải thích cho hai bên biết về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bản sao giấy chứng nhận kết hôn được cấp theo yêu cầu của vợ chồng"*. Do chị M và anh Ng không tự đi đến Ủy ban nhân dân xã H làm thủ tục đăng ký kết hôn mà nhờ người thân đi đăng ký thay, việc đăng ký kết hôn này không được Ủy ban nhân dân xã H ghi vào sổ đăng ký kết hôn và tại Giấy chứng nhận kết hôn do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã H cấp cũng không có chữ ký của chị M và anh Ng. Đối chiếu với quy định trên thì Giấy chứng nhận kết hôn của chị M và anh Ng không có giá trị về mặt pháp lý, dẫn đến hôn nhân của chị M và anh Ng là hôn nhân không hợp pháp. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh Ng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân Gia đình không công nhận chị M và anh Ng là vợ chồng.

[4] Đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển 01 do UBND xã H cấp ngày 05 tháng 02 năm 2010 được cấp không tuân thủ về mặt hình thức về đăng ký kết hôn tại 3 Điều 18 Nghị Định số: 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm k khoản 1 Điều 78 của Nghị định số: 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H ra quyết định thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên.

[5] Xét về con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Chị Phan Thị U M và anh Trần Văn Ng có một con chung tên Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008, cháu Hân đang sống chung chị M. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn và yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Ng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của chị M về yêu cầu này của chị M,

nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hân cho chị M trực tiếp nuôi khi ly hôn, buộc anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hân theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 695.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05 tháng 11 năm 2018 đến khi cháu Hân tròn 18 tuổi; Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản và nợ: Do chị M xác định chị và anh Ng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí trong vụ án:

- Buộc chị M phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, nên được chuyển thu án phí số tiền này.

- Buộc anh Ng phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đ.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị U M và anh Trần Văn Ng là vợ chồng.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung của chị M và anh Ng là cháu Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Anh Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Trần Văn Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Ngọc H - sinh ngày 16 tháng 02 năm 2008 theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức

cấp dưỡng là 695.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05 tháng 11 năm 2018 đến khi cháu Hân tròn 18 tuổi.

3 Về quan hệ tài sản và nợ: Do chị M và anh Ng không có tài sản và không có nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Buộc chị Phan Thị M phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013556 ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Buộc anh Trần Văn Ng phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang